

太陽眼鏡符合性聲明試驗報告型式分類表

申請者：明日光學貿易股份有限公司

申請日期：2010.12.29

一、型式分類：_____

(一) 品牌：TOMMY HILFGER

(二) 一般濾鏡 偏光濾鏡

(三) 主要型式

1. 型號(代號)：TH1006/S J5GED

___1___ 支

2. 金屬鏡框 非金屬鏡框

3. 濾鏡顏色：漸黑

4. 濾鏡分類：0 1 2 3 4

5. 光學等級：1 2

6. 適合 不適合駕駛及道路使用

7. 參考點32.0±0.2 mm (成人用太陽眼鏡)

27.0±0.2 mm (兒童用太陽眼鏡)

(一) 太陽眼鏡符合性聲明試驗報告系列型式分類表：

主型式光學等級___1___ 濾鏡分類___3___

申請者：明日光學貿易股份有限公司;品牌：TOMMY HILFGER;濾鏡：一般 偏光

系列型式		鏡框材質							
------	--	------	--	--	--	--	--	--	--

廠商填寫	PIDC填寫		太陽眼鏡 型號 / 代號	“ V ”		濾鏡 顏色	濾鏡 分類	光學 等級	「駕駛及道路使用」 及「參考點」與主要 型式不同請註明	若為送檢之樣品型 號請打“ V ”
	查核	點收		金屬	塑膠					
	編號	“點收” “V”								
主			TH1006/S J5GED	v		漸黑	3	1		V
1			TH1000/S 086CC			漸黑	3	1		V
2			TH1000/S 807JJ		V	漸灰	2	1		
3			TH1000/S N3D02		V	漸茶	2	1		
4			TH1000/S PJPBB		V	漸灰	2	1		
5			TH1003/S 086X7		V	茶	3	1		
6			TH1003/S 807Y1		V	灰	3	1		
7			TH1003/S U08		V	茶	3	1		
8			TH1004/S 086DS		V	茶	2	1		
9			TH1004/S 807JJ		V	漸灰	2	1		
10			TH1005/S UK03R		V	灰	2	1		
11			TH1005/S 10GY1	v		黑	3	1		V
12			TH1006/S 010JJ	V		漸灰	2	1		
13			TH1006/S 003Y1		V	灰	3	1		
14			TH1009/S 10G7Z		V	漸灰	2	1		
15			TH1016/S 8068U		V	褐	3	1		
16			TH1016/S 086X7		V	茶	3	1		
17			TH1985 086DB		V	漸茶	2	1		
18			TH1985 807JJ		V	漸灰	2	1		
19			TH1985 U0908		V	漸灰	2	1		
20			TH1009U01Y1	V		灰	3	1		
21			TH1035/F/S 086CC		V	漸褐	2	1		
22			TH1035/F/S 807JJ		V	漸灰	2	1		V
23			TH1035/F/S C29JJ		V	漸灰	2	1		
24			TH1035/F/S N2MPB		V	漸紫	2	1		
25			TH1036/F/S 807JJ		V	漸灰	2	1		
26			TH1036/F/S 086CC		V	漸褐	2	1		
27			TH1036/F/S U05JJ		V	漸灰	2	1		
28			TH1005/S UKUYY	V		漸褐	2	1		
29			TH1004/S UOF9A		V	藍	3	1		
30			TH1009/S U0HQF	V		灰	3	1		
31			TH1053/S 0W81E	V		墨綠	3	1		V
32			TH1053/S 263Y1	V		灰	3	1		
33			TH1043/S 0Y1JJ	V		漸灰	2	1		
34			TH1042/S UNOY1		V	灰	3	1		
35			TH1043/S UNOED		V	漸褐	2	1		
36			TH1042/S OIV08		V	漸藍	2	1		
37			TH1043/S 0Y2CC		V	漸褐	3	1		
38			TH1043/S 807Y1		V	灰	3	1		

39			TH1110/F/S D28JJ		V	漸深藍	2	1		
40			TH1110/F/S 27EJD		V	漸褐	2	1		
41			TH1111/F/S 34JJD	V		漸褐	2	1		
42			TH1111/F/S 34NQX	V		漸褐	2	1		
43			TH1111/F/S 34QJJ	V		漸深灰	3	1		
44			TH1080/S WHNHA	V		漸灰褐	2	1		
45			TH1080/S WHP9C	V		漸灰	2	1		
46			TH1080/S WHQCC	V		漸褐	2	1		
47			TH1109/F/S 32XJJ		V	漸灰	2	1		
48			TH1109/F/S 33LQX		V	漸褐	2	1		
49			TH1109/F/S 336JD		V	漸褐	2	1		
50			TH1115/S 4N3HA		V	漸褐	2	1		
51			TH1117/S 003EU	V		漸灰	2	1		V
52			TH1117/S AOZPT	V		深灰	2	1		
53			TH1118/S AOZPT	V		深灰	2	1		
54			TH1117/S C66	V		漸灰	2	1		
55			TH1131/F/S 9M8		V	漸褐	2	1		
56			TH1179/F/S I3N		V	漸褐	2	1		
57			TH1179/F/S 807		V	漸灰	2	1		
58			TH1180/F/S V1P		V	漸褐	2	1		
59			TH1180/F/S 807		V	漸灰	2	1		
60			TH1115/S 4N2R4	V		漸黑	3	1		
61			TH1177/F/S PNK	V		漸黑	2	1		
62			TH1177/F/S PNF	V		漸褐	2	1		
63			TH1177/F/S PY1	V		漸深藍	2	1		
64			TH1178/F/S V2F	V		漸深藍	2	1		
65			TH1178/F/S V2K	V		漸褐	2	1		
66			TH1041/N/S 0T4		V	漸褐	2	1		
67			TH1041/N/S 0X7		V	漸灰	3	1		
68			TH1042/N/S UNO		V	深藍	3	1		
69			TH1197/S BG470		V	漸灰	3	1		
70			TH1197/S 08608		V	漸深藍	3	1		
71	V		TH1199/S 7S5BD		V	漸灰	2	1		V
72			TH1199/S 7RXJJ		V	漸深藍	2	1		
73			TH1227/F/S 7P070		V	深灰	3	1		
74			TH1227/F/S 7P8N6		V	漸灰	3	1		
75			TH1227/F/S 7Q4HA		V	漸褐	2	1		
76			TH1110/F/S COKJD		V	漸褐	2	1		
77			TH1110/F/S FCAHD		V	漸灰	3	1		
78			TH1110/F/S FCDHA		V	漸褐	2	1		
79			TH1249/F/S 1IDHD		V	漸灰	3	1		
80			TH1249/F/S 1IJHA		V	漸褐	2	1		
81			TH1248/F/S GPSCC		V	漸褐	2	1		
82			TH1248/F/S KUNHD		V	漸藍	3	1		
83			TH1239/S CRXCC		V	漸核	2	1		

84			TH1239/S ANSEU		V	漸紫	2	1		
85			TH1267/S 40C89	V		漸灰	3	1		
86			TH1267/S 40D72	V		漸藍	3	1		
87			TH1262/S 4LBPT		V	漸灰	3	1		
88			TH1232/S 1ILHA		V	漸褐	2	1		
89			TH1254/S 4JTEU		V	漸紫	2	1		
90			TH1254/S 4JWDK		V	漸藍	3	1		
91			TH1267/S 40EBQ	V		灰色	2	1		V
92			TH1262/S 4LAN6		V	漸灰	3	1		
93			TH1265/S 5H7FE		V	漸藍	2	1		
94			TH1266/S 4NVHD		V	灰色	3	1		
95			TH1266/S 4NWF1		V	漸灰	2	1		
96			TH1266/S 5EZ08		V	漸灰	2	1		